

Bản án số: 26/2021/HS-ST
Ngày: 18/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim T.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Tý.

Bà Phùng Thị Khánh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L Hằng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – VT xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 129/2020/HSST ngày 15 tháng 12 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 01 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/HSST- QĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/2021/TB – TA ngày 03 tháng 3 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1979 tại B L;

Nơi cư trú: Khóm 6 B, phường 3, thành phố B L, tỉnh B L; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1959 và bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1959; bị cáo sống như vợ chồng với ông Cao Thành P, sinh năm: 1962; có 01 con sinh năm 2018;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam: ngày 08/5/2020.

“Bị cáo có mặt”

Bị hại:

1. Bà Trương Ánh T, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Số 171/2/6 tổ 84, khu 6, phường HT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương “vắng mặt”.

2. Bà Lợi Ngọc H, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Số 347/15, đường CMT 8, khu 4, phường HT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương “có mặt”.

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Số 55/25A đường NTL, phường RD, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - VT “có mặt”.

4. Bà Vương Thị P L, sinh năm: 1975; nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh Bình Dương “vắng mặt”.

5. Bà Nguyễn Thị Thúy T, sinh năm: 1994; nơi cư trú: 3 ô 2/1, khu phố PT, thị trấn PH, huyện ĐĐ, tỉnh Bà Rịa - VT “vắng mặt”.

6. Bà Lê Thị P T, sinh năm: 1966; nơi cư trú: Khu phố PH, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - VT “có mặt”.

7. Bà Lê Thị S, sinh năm: 1996; nơi cư trú: Tổ 7, ấp HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - VT “có mặt”.

8. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1972; nơi cư trú: Tổ 7, ấp HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - VT “có mặt”.

9. Bà Trần Thị M, sinh năm: 1990 ; nơi cư trú: Ấp HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - VT “vắng mặt, có đơn xin vắng”.

10. Ông Trần T, sinh năm: 1974 ; nơi cư trú: Ấp HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - VT “vắng mặt”.

11. Ông Trần Hoài L, sinh năm : 1986; nơi cư trú: Tổ 9, ấp HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - VT “vắng mặt”.

12. Bà Cao Thị Mỹ H, sinh năm: 1990; nơi cư trú: Tổ 1, ấp HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - VT “vắng mặt”.

13. Ông Trần R, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Tổ 9, ấp HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - VT “vắng mặt”.

14. Bà Cao Thị Hồng X, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Tổ 9, ấp HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - VT “vắng mặt”.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Cao Thị Mỹ D, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Ấp HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - VT “có mặt”.

2. Ông Cao Thành P, sinh năm: 1962; nơi cư trú: Ấp HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - VT “vắng mặt, có đơn xin vắng”.

3. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Khu phố PH, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - VT “có mặt”.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 08/3/1979, HKTT: Khóm 6B, phường 3, Thành phố B L, tỉnh B L thuê phòng trọ tại ấp XR, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – VT sống với ông Cao Thành P, sinh năm 1962, HKTT: Ấp HT, xã PT, huyện XM như vợ chồng, hai người có 01 con chung sinh năm 2018.

Khoảng đầu năm 2019, C lên mạng xã hội tìm hiểu thủ đoạn lừa dối Cầm đoạt tài sản của người khác bằng việc tung tin giả mình có thể làm thủ tục môi giới xuất khẩu lao động để lừa những người có nhu cầu đến liên hệ và đóng tiền cho C. Để thực hiện ý định của mình, C đã nói dối với ông P là mình có người quen làm nông trại ở nước Mỹ nên C có thể làm thủ tục cho người quen đi theo diện du lịch qua Mỹ với thời gian 2,5 tháng để thu hoạch rau, củ, quả; lương mỗi tháng từ 2.500 đến 5000 đô la Mỹ (USD). Ông P tin C nói thật nên đã giới thiệu cho con của mình và một số người khác đến liên hệ với C để đóng tiền, làm thủ tục đi lao động tại Mỹ. Bằng thủ đoạn trên C đã lừa Cầm đoạt được 459.500.000đ của nhiều bị hại, cụ thể như sau:

- Khoảng tháng 11/2018, bà Trần Thị M, sinh năm 1990, trú tại ấp HT, xã PT quen biết C, qua nói chuyện C giới thiệu có chồng cũ định cư tại Mỹ làm nông trại cần số lượng lớn công nhân, lương tháng 3.500USD, bao ăn ở, C hứa sẽ làm thủ tục cho bà M đi lao động với C phí 30.000.000đ. Khoảng tháng 03/2019, bà M đã giao cho C 30.000.000đ tại nhà trọ của C.

- Bà Cao Thị Hồng X, sinh năm 1983 và chồng là ông Trần R, sinh năm 1981, trú tại ấp HT, xã PT, là con G và con rể của ông Cao Thành P được C hứa hẹn sẽ làm thủ tục đi lao động ở Mỹ với mức lương của ông R là 3000 USD/tháng, còn bà X làm phụ bếp lương tháng là 5000 USD, nhưng mỗi người phải đóng trước cho C 30.000.000đ. Khoảng tháng 5/2019, ông R và bà X đã giao cho C là 30.000.000đ tại nhà trọ của ông P và C.

- Khoảng tháng 4/2019, bà Cao Thị Mỹ H, sinh năm 1988, trú tại ấp HT, xã PT là con G ông P cũng bị C Cắm đoạt số tiền 30.000.000đ với hình thức trên.

- Ông Trần T, sinh năm 1974, trú tại ấp HT, xã PT, huyện XM (ông T là chú của ông R) nghe ông R nói ông P và C làm được thủ tục đi lao động tại Mỹ. Ông T trực tiếp liên hệ với C để hỏi về thủ tục cho con trai ông T là Trần P Nam đi xuất khẩu lao động thì được C đồng ý. Ngày 10/3/2019, ông T đã đóng cho C 30.000.000đ.

- Bà Nguyễn Thị Thúy T, sinh năm 1994 trú tại khu phố PT, thị trấn PH, huyện ĐĐ, tỉnh Bà Rịa – VT, là bạn của bà Trần Thị M, nghe bà M nói chuyện sắp đi Mỹ lao động và cho bà T số điện thoại 0937728161 của C để bà T tự liên hệ, thì được C đồng ý và yêu cầu phải nộp trước 30.000.000đ C phí. Ngày 02/5/2019 bà T đã giao C số tiền là 15.000.000đ và ngày 09/5/2019 T đưa tiếp 15.000.000đ tại nhà trọ của C.

- Khoảng tháng 3/2019, ông Trần Hoài L, sinh năm 1986, trú tại ấp Hồ Tràm, xã PT, nghe tin ông Trần R sắp đi xuất lao động ở Mỹ nên đã đến hỏi và được ông R giới thiệu tới C. Ông L đã tự tìm đến gặp C thì được C yêu cầu nộp 30.000.000đ; ông L đã 02 lần giao tiền cho C, mỗi lần 15.000.000đ. Để tăng sự tin tưởng, C hứa nếu không đi được C sẽ đền tiền gấp đôi, ông P cũng tin là C nói thật nên nói với ông L là “Yên tâm đi ai lại lừa gạt người trong nhà bao giờ”.

- Khoảng đầu tháng 04/2019, nghe tin C làm được thủ tục đi lao động ở Mỹ nên bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1988, trú tại khu phố PH, thị trấn PB, huyện XM đã xin 30.000.000đ của mẹ là bà Lê Thị P T, sinh năm 1966 đóng cho C, khi nhận tiền C nói tiền này để làm tin, khi nào về sẽ trả lại và hứa nếu không đi được sẽ đền 60.000.000đ.

- Khoảng tháng 05/2019, bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972, trú tại ấp HT, xã PT nghe tin ông Trần R giới thiệu C và ông P làm thủ tục đi Mỹ lao động, bà G nhờ ông R dẫn đến nhà trọ của ông P bà C. Tại đây, bà G hỏi C về công việc làm tại Mỹ thì được C trả lời qua Mỹ đi hái trái cây, lương 3000 USD/tháng, C yêu cầu đóng phí 30.000.000đ một người và hứa nếu đi không được sẽ đền tiền gấp đôi. Bà G tin tưởng nên đã 03 lần giao tiền cho C tổng cộng 60.000.000đ để C làm thủ tục cho bà và con trai là Lê Văn T, sinh năm 1995 đi Mỹ lao động. Lần thứ nhất: giao trực tiếp cho C 30.000.000đ, lần thứ 2: giao cho ông P 10.000.000đ sau đó ông P đã đưa lại cho C; lần thứ ba: giao trực tiếp cho C 20.000.000đ, sau khi nhận đủ tiền C hẹn ngày 27/6/2019 sẽ đi phỏng vấn.

- Bà G về nói chuyện cho người nhà nghe thì con G của bà là Lê Thị S. sinh năm 1996, HKTT: tổ 7, ấp HT, xã PT nhờ bà G giới thiệu tới C để nhờ C làm thủ tục cho chồng là anh Hoàng Văn Hào, sinh năm 1994 và được C đồng ý. Chị S đã chuyển 10.000.000đ vào số tài khoản 050063644118 tại Ngân hàng Sacombank cho C.

- Bà Vương Thị P L, sinh năm 1975, trú tại khu phố 2, thị trấn PV, huyện PG, tỉnh Bình Dương là người quen của C, C giới thiệu có chồng cũ định cư tại Mỹ có cơ sở sản xuất rau, củ, quả đang cần số lượng lớn công nhân sang làm việc với hình thức bảo lãnh tham quan du lịch, C hứa sẽ làm thủ tục cho bà L đi Mỹ lao động với C phí 30.000.000đ. Ngày 13/5/2019 bà L đến phòng trọ giao cho C 30.000.000đ C hẹn ngày 16/6/2019 sẽ đi Mỹ. Ngày 31/5/2019 C gọi điện thoại yêu cầu bà L giao thêm 4.000.000đ để làm chứng minh nhân dân, do chứng minh nhân dân của bà L không có ngày, tháng sinh. Bà L đã gửi cho C số tiền 4.000.000đ vào tài khoản 050063644118 Tại ngân hàng Sacombank.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980, trú tại khu 8, phường Chánh Nghĩa, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương nghe bạn tên L nói C làm được thủ tục đi lao động tại Mỹ và cho bà L số điện thoại 0967044494 của C. Ngày 04/6/2019, bà L gọi điện cho C thì được C cho biết nếu muốn đi Mỹ làm rau sạch thì đóng cho C 30.000.000đ. Sau đó bà L giới thiệu cho Lợi Ngọc H, sinh năm 1973, trú tại khu 4, phường HT, TP. TDM, tỉnh Bình Dương và Trương Ánh T, sinh năm 1980, trú tại khu 6, phường HT, TP. TDM, tỉnh Bình Dương để liên hệ với C cũng đi lao động tại Mỹ thì được C đồng ý. Ngày 04/6/2019, theo chỉ dẫn của C, bà L cùng bà T tới phòng trọ giao cho C 15.000.000đ. Ngày 07/6/2019, bà L và bà T tiếp tục chuyển 45.000.000đ cho C vào tài khoản 050063644118, tại Ngân hàng Sacombank. Sau đó, C gọi điện thoại cho bà L nói muốn đi nhanh thì bà L và bà T phải chuyển thêm cho C 12.500.000đ, ngày 21/6/2019 bà L và bà T tiếp tục chuyển tiền theo yêu cầu của C vào số tài khoản trên. Ngày 24/6/2019, C gọi điện thoại yêu cầu bà L chuyển thêm 5.200.000đ để mua bằng cấp cho bà L; bà L tin tưởng nên đã nhờ Lợi Ngọc H chuyển cho C 5.200.000đ. Tổng số tiền bà L khai báo bị Cém đoạt là 41.450.000đ.

- Làm việc với bà Trương Ánh T, bà T khai báo phù hợp với bà Nguyễn Thị L và cho biết bà liên hệ với bà C qua số điện thoại 096704449. Bà T bị C lừa Cém đoạt số tiền là 36.250.000đ.

- Làm việc với Lợi Ngọc H cho biết vào giữa tháng 6/2019, bà Nguyễn Thị L giới thiệu với bà H ở XM, Bà Rịa - VT có bà C và ông P mời giới qua Mỹ để thu hoạch rau, củ, quả thời gian 2,5 tháng, lương tháng 2.500 USD và cho bà H số điện thoại của C. Bà H đã tự liên hệ thì được C đồng ý và yêu cầu phải nộp phí 30.000.000đ. Sau đó, bà H đã chuyển khoản cho C, cụ thể như sau: Ngày 18/6/2019, chuyển 10.000.000đ vào số tài khoản 050063644118 tại ngân hàng Sacombank; ngày 21/6/2019 chuyển 20.000.000đ vào số tài khoản trên. Sau đó C lại yêu cầu muốn đi nhanh thì phải nộp thêm 12.600.000đ, ngày 24/6/2019 bà H chuyển khoản vào số tài khoản trên là 12.600.000đ. C tiếp tục gọi điện thoại cho bà H nói nếu muốn lương cao hơn thì cần chuyển thêm 5.200.000đ để mua bằng cấp. Ngày 24/6/2019, bà L nhờ bà H chuyển cho C 5.200.000đ, bà H đã đến Công ty Cổ phần Thế giới Di động, địa chỉ số 222 Yersin, phường Phú Cường, TP.

TDM, tỉnh Bình Dương chuyển cho C 10.400.000đ. Tổng số tiền bà H bị Cắm đoạt số tiền là 47.800.000đ.

Sau khi Cắm đoạt được 459.500.000đ của nhiều người, C đã bỏ trốn, Cơ quan CSĐT Công an huyện XM đã tiến hành truy tìm đến ngày 07/05/2020, thì phát hiện C đang ở cùng với ông P và con nhỏ tại phòng trọ ở xã Tân TH Đông, huyện Củ C, TP Hồ Chí Minh nên đã yêu cầu về trụ sở làm việc và tạm giữ của C một điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 1: 863886031367236, số IMEI 2: 863886031367228; một điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu xanh-đen; số IMEI 1: 353677081053520, số IMEI 2: 353677081053538; một sim điện thoại, một mặt màu hồng, có dòng chữ “Zone” có số thuê bao là 0937728161, một sim điện thoại Viettel trên có ghi số “984048000032082941” có số thuê bao 0967044494; một thẻ ATM, ngân hàng Sacombank, có số 9704032791587325 có số tài khoản là 050063644118. Tại Cơ quan điều tra, C đã thừa nhận vật chứng, tài sản bị tạm giữ nêu trên là của C dùng để thực hiện hành vi lừa đảo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, với P pháp thủ đoạn như các bị hại đã trình bày, việc C tự nảy sinh ý định, sau đó lừa các bị hại, ông P không biết nên đã giới thiệu cho con của mình và một số người khác. Ngày 27/6/2019 C đưa con đi trốn khỏi nhà trọ nhưng khi ông P hỏi thì C nói do chưa làm xong thủ tục đi Mỹ, sợ ở lại sẽ bị người ta chửi và đòi tiền lại, nên đi TP Hồ Chí Minh sống, khi nào

làm xong thì báo cho mọi người đi. Tại TP Hồ Chí Minh, ông P ở phòng trọ chăm con nhỏ còn C đi làm công nhân cho đến ngày bị Công an huyện XM phát hiện mới về làm việc. Về nhân thân: C khai đã bỏ nhà từ năm 1997, đi làm ở nhiều tỉnh, thành phố, nhưng không đăng ký tạm trú. Năm 2015 về thuê nhà ở trọ tại huyện XM đến ngày 29/6/2019 trốn khỏi XM đến xã Tân TH Đông, huyện Củ C, Thành phố Hồ Chí Minh lần trốn cho đến khi bị bắt cũng không đăng ký tạm trú.

Ông Cao Thành P trình bày ông chung sống với bị cáo như vợ chồng và đã có 01 con chung, ông tin bị cáo nói có thể làm thủ tục đi Mỹ lao động nên ông đã giới thiệu cho con của mình và một số người khác, đối với 02 người đến giao tiền cho C nhưng vì C bận công việc nên đã nhờ ông nhận tiền là bà Nguyễn Thị G (Bích) 10.000.000đ và ông Trần Hoài L (Ly) 15.000.000đ, sau đó ông P đã giao lại cho C. Ngày 27/6/2019 C đưa con đi khỏi nhà trọ, ông P thấy vậy nên gọi điện thoại hỏi, thì C nói việc xuất khẩu lao động bị hoãn lại chưa đi được, ở lại sợ bị chửi và đòi tiền, khi nào hoàn tất thủ tục thì sẽ báo với mọi người. Vì C và ông P có một con chung sinh ngày 23/05/2018 bị bệnh sút môi, hở hàm ếch nên ông P đã đi theo C đến thuê nhà trọ ở xã Tân TH Đông, huyện Củ C, Thành phố Hồ Chí Minh để chăm sóc con. Trong thời gian sinh sống tại huyện Củ C, Thành phố Hồ Chí Minh, ông P vẫn không biết sự việc C đã lừa đảo Cắm đoạt tài sản ở XM, nên đã nhiều lần ông P hỏi C đã làm xong thủ tục đi Mỹ lao động cho các con ông hay chưa, thì C nói khó khăn chưa làm xong. Do mối quan hệ giữa ông P và C không được các con của ông P ủng hộ nên ông P ở lại TP Hồ Chí Minh cùng với C để nuôi con.

Vật chứng trong vụ án: Cơ quan CSĐT tạm giữ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 1: 863886031367236, số IMEI 2: 3886031367228; một điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, màu xanh - đen; số IMEI 1:

677081053520, số IMEI 2: 353677081053538; một sim điện thoại, một mặt màu hồng, có dòng chữ “Zone” có số thuê bao là 0937728161, một sim điện thoại Viettel trên có ghi số 8984048000032082941” có số thuê bao 0967044494; một thẻ ATM, số tài khoản là 050063644118 tại Ngân hàng Sacombank, có mã số 9704032791587325 có là vật chứng bị cáo đã dùng để thực hiện hành vi lừa đảo nên chuyển tới C cục Thi hành dân sự để xử lý khi xét xử.

Cơ quan CSĐT Công an huyện XM đã tiến hành xác minh thông tin và số dư tài khoản tính đến ngày 23/10/2019, đối với tài khoản 050063644118 của bị cáo tại Ngân hàng Sacombank. Kết quả số tài khoản trên có chủ tài khoản là Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 08/3/1979, HKTT: Khóm 6B, phường 3, Thành phố B L, tỉnh B L và số dư tài khoản tính đến ngày 23/10/2019 còn 53.479 đồng. Số tiền tài khoản của C nhận được phù hợp với lời khai của các bị hại nhưng bị cáo đã rút ra và tiêu xài cá nhân hết.

Trách nhiệm dân sự:

Ông Trần R, Cao Thị Hồng X (con rể và con G của ông P) không yêu cầu C phải trả lại 30.000.000đ, bà Cao Thị Mỹ H (con G của ông P) không yêu cầu C trả lại 30.000.000đ đã Cầm đoạt;

Bị cáo đã nhờ ông P khắc phục hậu quả cho các bị hại được 75.000.000đ, ông P không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã bồi thường thay, cụ thể như sau:

- + Ông Trần T: 5.000.000đ;
- + Bà Trần Thị M: 5.000.000đ;
- + Ông Trần Hoài L: 5.000.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị G: 10.000.000đ;
- + Bà Lê Thị S: 5.000.000đ;
- + Bà Lê Thị P T: 5.000.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị L: 10.000.000đ;
- + Bà Trương Ánh T: 10.000.000đ;
- + Bà Lợi Ngọc H: 10.000.000đ;
- + Bà Vương Thị P L: 10.000.000đ;

Sau khi nhận được một phần tiền bồi thường như đã nêu trên, các bị hại yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cụ thể như sau:

- + Ông Trần T: 25.000.000đ;
- + Bà Trần Thị M: 25.000.000đ;
- + Ông Trần Hoài L: 25.000.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị G: 50.000.000đ;
- + Bà Lê Thị S: 25.000.000đ;
- + Bà Lê Thị P T: 25.000.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị L: 31.450.000đ;
- + Bà Trương Ánh T: 26.250.000đ;
- + Bà Lợi Ngọc H: 37.800.000đ;
- + Bà Vương Thị P L: 24.000.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị Thúy T: 30.000.000đ.

Tại phiên toà, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố.

Tại phiên tòa các bị hại: Bà Lợi Ngọc H yêu cầu bị cáo triếp tục bồi thường số tiền: 37.800.000đ; Bà Nguyễn Thị G yêu cầu bị cáo triếp tục bồi thường số tiền: 50.000.000đ; Bà Lê Thị S yêu cầu bị cáo triếp tục bồi thường số tiền: 25.000.000đ; Bà Lê Thị P T yêu cầu bị cáo triếp tục bồi thường số tiền: 25.000.000đ; Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo triếp tục bồi thường số tiền: 31.450.000đ; Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà Trần Thị M yêu cầu bị cáo triếp tục bồi thường số tiền: 25.000.000đ. Các bị hại bà H, bà G, bà S, bà T và bà L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra các bị hại yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cụ thể như sau:

- + Ông Trần T số tiền: 25.000.000đ ;
- + Ông Trần Hoài L số tiền: 25.000.000đ;
- + Bà Trương Ánh T số tiền: 26.250.000đ;
- + Bà Vương Thị P L số tiền: 24.000.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị Thúy T số tiền: 30.000.000đ.

Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu trên của các bị hại.

Bản cáo trạng số 124/CT – VKS – XM ngày 24/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim C về tội “Lừa đảo Cầm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật hình sự 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 38; điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm b điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 12 (Mười hai) năm đến 14 (Mười bốn) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với các bị hại.

Đối với bị hại ông Trần R, bà Cao Thị Hồng X (con rể và con G của ông P) không yêu cầu bị cáo phải trả lại 30.000.000đ và bị hại bà Cao Thị Mỹ H (con G của ông P) không yêu cầu bị cáo phải trả lại 30.000.000đ, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung vào công quỹ:

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu đen số Imel 1: 863886031367236, số Imel2: 863886031367228.

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, số Imel 1: 353677081053520, số Imel 2: 353677081053538.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 sim điện thoại, một mặt màu hồng, có dòng chữ Zone, có số thuê bao 0937728161.

+ 01 sim điện thoại Viettel trên có ghi số 8984048000032082941 có số thuê bao 0967044494.

+ 01 thẻ ATM số mã số 9704032791587325 tại ngân hàng Saconbank, có mã số 9704032791587325.

- Bị cáo Nguyễn Thị Kim C nói lời sau cùng: Bản thân bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện XM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đối Cáo với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Theo đó xác định được rằng:

Để có tiền tiêu xài, bị cáo Nguyễn Thị Kim C đã lợi dụng nhu cầu của nhiều người muốn ra nước ngoài lao động để có thu nhập cao, bằng thủ đoạn tung tin mình có người thân ở Mỹ và có khả năng làm thủ tục để sang Mỹ bằng hình thức tham quan du lịch để lao động với C phí trung bình khoảng 30.000.000đ/01 người.

Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 6/2019 (khi sinh sống tại xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – VT) bị cáo đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để Cém đoạt số tiền 459.500.000đ của nhiều bị hại, rồi bỏ trốn khỏi địa P.

Do vậy hành vi của bị cáo nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo Cém đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật hình sự 2015. Từ đó cho thấy bản cáo trạng số 124/ CT – VKS – XM ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim C về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân. Bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng mà không phải lao động, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo Cém đoạt tài sản của người khác nhằm phục vụ nhu cầu của bản thân. Sau đó bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội nhiều lần trở lên theo quy định tại điểm b điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần bồi thường thiệt hại cho các bị hại và tại cơ quan điều tra các bị hại bà Cao Thị Hồng X, bà Cao Thị Mỹ H, ông Trần R có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo,

tại phiên tòa các bị hại bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị P T, bà Lợi Ngọc H và bà Nguyễn Thị L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để cân nhắc giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bị cáo đã nhờ ông P khắc phục hậu quả cho các bị hại được số tiền 75.000.000đ, ông P không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã bồi thường thay nên Hội đồng xét xử không xem xét, cụ thể như sau:

- + Ông Trần T số tiền: 5.000.000đ;
- + Bà Trần Thị M số tiền: 5.000.000đ;
- + Ông Trần Hoài L số tiền: 5.000.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị G số tiền: 10.000.000đ;
- + Bà Lê Thị S số tiền: 5.000.000đ;
- + Bà Lê Thị P T số tiền: 5.000.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị L số tiền: 10.000.000đ;
- + Bà Trương Ánh T số tiền: 10.000.000đ;
- + Bà Lợi Ngọc H số tiền: 10.000.000đ;
- + Bà Vương Thị P L số tiền: 10.000.000đ;

Tại phiên tòa các bị hại: Bà Lợi Ngọc H yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền: 37.800.000đ; Bà Nguyễn Thị G yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền: 50.000.000đ; Bà Lê Thị S yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền: 25.000.000đ; Bà Lê Thị P T yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền: 25.000.000đ; Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền: 31.450.000đ; Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà Trần Thị M yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền: 25.000.000đ.

Quá trình điều tra các bị hại yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cụ thể như sau:

- + Ông Trần T yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền: 25.000.000đ ;
- + Ông Trần Hoài L yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền: 25.000.000đ;
- + Bà Trương Ánh T yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền: 26.250.000đ;
- + Bà Vương Thị P L yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền: 24.000.000đ;
- + Bà Nguyễn Thị Thúy T yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền: 30.000.000đ.

Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu trên của các bị hại. Xét thấy việc đồng ý bồi thường của bị cáo là tự nguyện nên cần ghi nhận.

Đối với bị hại ông Trần R, bà Cao Thị Hồng X (con rể và con G của ông P) không yêu cầu bị cáo phải trả lại 30.000.000đ và bị hại bà Cao Thị Mỹ H (con G của ông P) không yêu cầu bị cáo phải trả lại 30.000.000đ. Xét đây là sự tự nguyện của ông Trần R, bà Cao Thị Hồng X và bà Cao Thị Mỹ H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với:

- + 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu đen số Imel 1; 863886031367236, số Imel 2: 863886031367228.

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, số Imel 1: 353677081053520, số Imel 2: 353677081053538.

Là dụng cụ, P tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với:

+ 01 sim điện thoại, một mặt màu hồng, có dòng chữ “Zone”, có số thuê bao 0937728161.

+ 01 sim điện thoại Viettel trên có ghi số 8984048000032082941 có số thuê bao 0967044494.

+ 01 thẻ ATM số mã số 9704032791587325 tại ngân hàng Sacombank, có mã số 9704032791587325.

Là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Đối với ông Cao Thành P là người sống như vợ chồng với bị cáo nhưng ông P không biết việc bị cáo tung tin mình có khả năng làm thủ tục đi lao động ở Mỹ là giả tạo, để lừa đảo Cầm đoạt tài sản của người khác nên ông P đã tin tưởng, giới thiệu các con của ông và một số người khác nộp tiền cho bị cáo và đã 02 lần giúp bị cáo nhận tiền của 02 bị hại sau đó đã giao lại cho bị cáo. Trong thời gian 02 người chung sống với nhau, ông P không biết bị cáo đã lừa đảo Cầm đoạt tiền của các con ông P và những người bị hại khác. Cơ quan cảnh sát điều tra cũng không chứng minh được vai trò đồng phạm của ông P với bị cáo nên không xem xét trách nhiệm đối với ông P là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị Kim C phải chịu trên tổng số tiền phải bồi thường cho các bị hại là $324.500.000đ \times 5\% = 16.225.000đ$ (Mười sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Kim C phạm tội “Lừa đảo Cầm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 174, điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, điểm b điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Kim C 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08/5/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Ghi nhận việc bị cáo tự nguyện bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 324.500.000đ (Ba trăm hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), cụ thể như sau:

- + Ông Trần T số tiền: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng);
- + Bà Trần Thị M số tiền: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng);
- + Ông Trần Hoài L số tiền: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng);

- + Bà Nguyễn Thị G số tiền: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);
- + Bà Lê Thị S số tiền: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng);
- + Bà Lê Thị P T số tiền: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng);
- + Bà Nguyễn Thị L số tiền: 31.450.000đ (Ba mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng);
- + Bà Trương Ánh T số tiền: 26.250.000đ (Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng);
- + Bà Lợi Ngọc H số tiền: 37.800.000đ (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng);
- + Bà Vương Thị P L số tiền: 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng);
- + Bà Nguyễn Thị Thúy T số tiền: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu đen số Imel 1: 863886031367236, số Imel 2: 863886031367228.

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, số Imel 1: 353677081053520, số Imel 2: 353677081053538.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 sim điện thoại, một mặt màu hồng, có dòng chữ “Zone”, có số thuê bao 0937728161.

+ 01 sim điện thoại Viettel trên có ghi số 8984048000032082941 có số thuê bao 0967044494.

+ 01 thẻ ATM số mã số 9704032791587325 tại ngân hàng Sacombank có mã số 9704032791587325.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện XM và C cục Thi hành án dân sự huyện XM).

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim C phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Kim C phải nộp 16.225.000đ (Mười sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – VT xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp L.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa –VT;
- VKSND tỉnh Bà Rịa –VT;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa –VT;
- Công an tỉnh Bà Rịa –VT;
- + Phòng PC10.
- + Phòng PV06.
- VKSND huyện XM;
- Công an huyện XM;
- C cục THADS huyện XM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo